

Phụ lục 5: Dự toán thu chi ngân sách xã, thị trấn năm 2024

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Quảng Thành	Quảng An	Quảng Vinh	Thị trấn Sịa	Quảng Phú	Quảng Thọ	Quảng Phước	Quảng Lợi	Quảng Ngạn	Quảng Công	Quảng Thái
A	Thu ngân sách trên địa bàn xã	138.868	12.964	15.159	10.736	22.210	10.678	8.752	9.847	13.545	9.878	13.158	11.941
1	Các khoản thu cân đối	138.868	12.964	15.159	10.736	22.210	10.678	8.752	9.847	13.545	9.878	13.158	11.941
2	Thu để lại quản lý qua NSNN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
B	Ngân sách xã hưởng từ nguồn thu cân đối	263.229	23.359	29.093	16.926	59.128	17.544	13.899	16.013	25.320	16.073	24.163	21.711
1	Ngân sách xã hưởng từ nguồn thu cân đối thu trên địa bàn	209.891	18.388	23.879	11.223	56.123	13.044	9.356	10.911	20.431	10.764	18.811	16.961
2	Bổ sung cân đối từ ngân sách huyện	52.154	4.866	5.108	5.593	2.872	4.394	4.440	4.998	4.784	5.204	5.245	4.650
2.1	<i>Bổ sung cân đối thường xuyên</i>	<i>40.100</i>	<i>3.753</i>	<i>3.719</i>	<i>4.351</i>	<i>1.300</i>	<i>3.412</i>	<i>3.630</i>	<i>3.853</i>	<i>3.954</i>	<i>4.000</i>	<i>4.340</i>	<i>3.788</i>
2.2	<i>Bổ sung có mục tiêu</i>	<i>12.054</i>	<i>1.113</i>	<i>1.389</i>	<i>1.242</i>	<i>1.572</i>	<i>982</i>	<i>810</i>	<i>1.145</i>	<i>830</i>	<i>1.204</i>	<i>905</i>	<i>862</i>
3	IV.Tạo nguồn cải cách tiền lương từ việc huy động 10% tiết kiệm chi thường xuyên 2024; huy động tiền lương các năm trước chuyển nguồn sang (nếu có)	1.184	105	106	110	133	106	103	104	105	105	107	100
4	Thu để lại quản lý qua NSNN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
C	Chi ngân sách xã	138.868	12.964	15.159	10.736	22.210	10.678	8.752	9.847	13.545	9.878	13.158	11.941
1	Chi cân đối ngân sách xã	138.868	12.964	15.159	10.736	22.210	10.678	8.752	9.847	13.545	9.878	13.158	11.941
	<i>Trong đó:</i>	0											
1.1	Chi đầu tư phát triển (nguồn tiền SDD)	74.875	7.000	9.360	4.200	15.879	4.648	3.500	4.180	7.920	4.200	7.408	6.580
1.2	Chi thường xuyên	62.128	5.790	5.630	6.345	6.146	5.855	5.099	5.502	5.461	5.513	5.582	5.205
1.3	Dự phòng ngân sách	1.861	174	169	190	184	176	153	165	164	165	167	156
2	Chi từ nguồn để lại quản lý qua NSNN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Ghi chú: 1.Các định mức chi ngân sách xã tính theo định mức phân bổ dự toán của tỉnh quy định giai đoạn 2022-2025 (Phân bổ theo biên chế được cấp thẩm quyền giao: 16triệu đồng/biên chế/năm, cán bộ hoạt động không chuyên trách: 4 triệu đồng/người/năm, và các định mức khác theo quy định...)

2. Dự toán chi lương cho cán bộ chuyên trách, công chức, cán bộ không chuyên trách tính theo Nghị định 33 của Chính phủ với mức lương 1.8000.000đ/tháng và các khoản đóng theo lương theo quy định hiện hành, Kinh phí phụ cấp theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh cho người hoạt động không chuyên trách ở xã, thôn, tổ dân phố theo Nghị quyết số 06/2020/NQ ngày 14/7/2020 (trong đó hỗ trợ bồi dưỡng các chi hội trưởng thôn, tổ dân phố 300.000 đồng/người/tháng); nhân viên thú y cấp xã theo Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021; Phụ cấp ĐB HĐND, Trưởng, phó các Ban HĐND cấp xã; phụ cấp cấp ủy, phụ cấp y tế, Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã theo quy định tại Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 31/3/2017 của HĐND tỉnh và hỗ trợ kiểm soát thủ tục CCHC, phụ cấp người đứng đầu hội đặc thù, phụ cấp Đội trưởng, Đội phó dân phòng theo NQ29 của HĐND tỉnh; Kinh phí hoạt động công tác Đảng theo QĐ 99-QĐ/TW ngày 04/8/2009 của Trung ương Đảng, Đội viên Đề án 500. Ngoài ra, bổ sung chế độ, chính sách và điều kiện đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp theo quy định tại Nghị quyết số 16/2017/NQ-HĐND ngày 31/3/2017 của HĐND tỉnh; Kinh phí hoạt động thường xuyên của cán bộ luân chuyển; Hoạt động công vụ Đảng, HĐND, UBND, MT-ĐT; bổ sung thêm 20 triệu đồng/xã/năm về hoạt động thường xuyên của công an chính quy về đảm nhiệm các chức danh công an xã; Kinh phí thực cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới, đô thị văn minh" và "Toàn dân đoàn kết xây dựng ĐSVH ở khu dân cư" theo quy định tại Thông tư 121/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính; Bổ sung kinh phí phục vụ công tác hòa giải ở cơ sở; kinh phí thực hiện hoạt động giám sát đầu tư cộng đồng. Kinh phí thực QP-AN, bao gồm kinh phí phụ cấp cho lực lượng Dân quân tự vệ, phụ cấp phó Chi huy trưởng quân sự xã, thôn đội trưởng, Công an viên thôn theo các NQ 12, 14/2021/NQ-HĐN ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh, kinh phí khám sức khỏe NVQS.